

Số: 344/2024/QĐST-HNGĐ Quận G, ngày 05 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 208/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số D Đường số A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lê Thị Huyền T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thị trấn T, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Hữu L và bà Lê Thị Huyền T qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2011 (Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2011 đăng ký ngày 16/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 (Mười) năm thì sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, dần dần tích tụ ngày qua ngày càng lâu trở thành những mâu thuẫn trầm trọng, nên cả hai không quan

tâm, ít chia sẻ và từ từ tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn tình cảm với nhau nữa. Cả hai đã ngồi lại với nhau tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Từ năm 2022 đến nay cả hai đã sống ly thân, ông L vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và làm việc, bà T về nhà mẹ ruột ở. Ông Nguyễn Hữu L và bà Lê Thị Huyền T xác nhận hiện cả hai không còn tình cảm, không thể hòa hợp nhau được nữa, vợ chồng tiếp tục chung sống cũng không mang đến hạnh phúc nên ông và bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Hữu L và bà Lê Thị Huyền T có 01 (Một) con chung, họ tên là: Nguyễn Lê Linh Đ, sinh ngày 14/12/2012 (Giới tính: Nữ). Sau khi ly hôn ông Nguyễn Hữu L và bà Lê Thị Huyền T thỏa thuận: Giao con chung là trẻ Nguyễn Lê Linh Đ cho ông Nguyễn Hữu L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà Lê Thị Huyền T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hữu L và bà Lê Thị Huyền T xác nhận không có, nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Hữu L và bà Lê Thị Huyền T xác nhận không có, nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí: Ông Nguyễn Hữu L và bà Lê Thị Huyền T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu L và bà Lê Thị Huyền T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2011 đăng ký ngày 16/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh).

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn Hữu L và bà Lê Thị Huyền T có 01 (Một) con chung, họ tên là: Nguyễn Lê Linh Đ, sinh ngày 14/12/2012 (Giới tính: Nữ).

Sau khi ly hôn ông Nguyễn Hữu L và bà Lê Thị Huyền T thỏa thuận: Giao con chung là trẻ Nguyễn Lê Linh Đ cho ông Nguyễn Hữu L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà Lê Thị Huyền T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng, cấp dưỡng vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành vào tháng 07/2024 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm

dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong trường hợp bà **Lê Thị Huyền T** chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì bà **T** phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Bà **Lê Thị Huyền T** có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông **Nguyễn Hữu L** và bà **Lê Thị Huyền T** xác nhận không có.

1.4. Về nợ chung: Ông **Nguyễn Hữu L** và bà **Lê Thị Huyền T** xác nhận không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông **Nguyễn Hữu L** và bà **Lê Thị Huyền T** chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0019033 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **Nguyễn Hữu L** và bà **Lê Thị Huyền T** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Hà Thị L1